TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/04/2025
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**
2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đỗ Minh Hoàng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 04 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Hoàng K**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị P có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2013 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/05/2013. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cách nay khoảng 06 năm (vào năm 2018) thì chị P có mượn nợ nhiều người, sau đó bị nhiều người đến nhà đòi nợ nên giữa anh K và chị P cũng có xảy ra cự cãi, chị P bỏ về bên nhà cha, mẹ ruột của chị P tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và sống ly thân với anh K cho đến nay. Nay anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh K xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung là

cháu Trần Thị Hồng P1, sinh ngày 18/11/2013. Hiện tại cháu P1 đang sống cùng với anh K. Khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P1 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh K không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có đến nơi đăng ký thường trú của chị Nguyễn Thị P tại ấp Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tống đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với chị P tuy nhiên chị P không có mặt tại nơi đăng ký thường trú. Đồng thời Tòa án cũng có đến nhà của cha, mẹ ruột chị P tại ấp B, xã L để liên hệ làm việc với chị P thì chị P cũng không có sinh sống tại đây. Qua xác minh chính quyền ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì Tòa án được biết lâu lâu thì chị P có trở về nhà mẹ ruột của chị P là bà Nguyễn Thị K tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu tuy nhiên chính quyền địa phương cũng không rõ khi nào chị P trở về. Do đó trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị P đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh K. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị P chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Cho anh Trần Hoàng K được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Thị Hồng P1, sinh ngày 18/11/2013 muốn được sống cùng với cha là anh Trần Hoàng K khi cha, mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu Trần Thị Hồng P1 cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi anh K, chị P ly hôn. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết;

Về tài sản: Anh K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết;

Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn anh Trần Hoàng K khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Trần Hoàng K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do,

do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K và chị P căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Hoàng K và chị Nguyễn Thị P, thấy rằng:

Anh K và chị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/05/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh K trình bày, sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cách nay khoảng 06 năm (vào năm 2018) thì chị P có mượn nợ nhiều người, sau đó bị nhiều người đến nhà đòi nợ nên giữa anh K và chị P cũng có xảy ra cự cãi, chị P bỏ về bên nhà cha, mẹ ruột của chị P tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và sống ly thân với anh K cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị P, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Võ Quốc T là trưởng ấp Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì Tòa án được ông Tuấn cho biết ông T không biết khi anh K và chị P còn sống chung thì giữa hai người xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào, ông chỉ biết anh K và chị P đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh K và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng K, cho anh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[4] Về con chung: Anh K xác định quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị P có với nhau một người con chung là cháu Trần Thị Hồng P1, sinh ngày 18/11/2013. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu P1 sống cùng với anh K. Khi ly hôn anh K xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, qua ghi nhận ý kiến của cháu Trần Thị Hồng P1 thì Tòa án được cháu P1 cho biết từ khi cha, mẹ cháu không sống chung đến nay thì cháu sống cùng với cha là anh K đồng thời cháu cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng với cha là anh Trần Hoàng K khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, cần nên tiếp tục giao cháu P1 cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng anh K, chị P ly hôn là phù hợp. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh K không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc anh Trần Hoàng K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng K. Cho anh Trần Hoàng K được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung:

Ghi nhận cháu Trần Thị Hồng P1, sinh ngày 18/11/2013 muốn được sống cùng với cha là anh Trần Hoàng K khi cha, mẹ ly hôn.

Tiếp tục giao cháu Trần Thị Hồng P1, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Trần Hoàng K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Hồng P1 do anh K không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Trần Hoàng K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Hoàng K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Anh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007939 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Tú Anh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);*
- *VKSND huyện H (2b);*
- *CC.THADS huyện H (1b);*
- *UBND xã Q (1b);*
- *Các đương sự (2b);*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).*